

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 giữa :

Nguyên đơn: Anh CĐT, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1978

Số CCCD: 038078008343 và vợ là TTT, sinh ngày 10 tháng 05 năm 1980; Số CCCD:038180009061

Nơi cư trú: Thôn 9, xã QT, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh TVK, sinh năm 1969; Số CCCD: 038069007227

Và vợ là chị TTT, sinh năm 1977; Số CCCD:038177005214

Nơi cư trú: Thôn 10, xã QT, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa:

Anh CĐT vợ là chị TTT và anh TVK vợ là chị TTT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất thoả thuận chị TTT và anh TVK còn nợ vợ chồng anh CĐT và chị TTT là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc. Không trả tính lãi.

2.2. Anh TVK và chị TTT liên đới có trách nhiệm trả cho anh CĐT và chị TTT mỗi tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Vào ngày 28 hàng tháng, kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

2.3. Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh TVK và chị TTT liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả nợ 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

